

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bền

Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 850/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Yến L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A1, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Thái Văn H1, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A1, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Yến L trình bày:

Chị và anh Thái Văn H1 sống chung với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do tiền bạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không hiểu nhau.

Đã nhiều lần cho anh Thái Văn H1 cơ hội sửa sai nhưng không thành. Từ tháng 07/2020 anh chị đã sống ly thân cho đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thái Văn H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Thái Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên bị đơn chưa thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Yến L.

+ Về con chung: Giao con chung tên Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Phạm Thị Yến L yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Thái Văn H1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Thái Văn H1 có nơi cư trú tại ấp A1, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Thái Văn H1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh H1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 02/4/2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị L và anh H1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị L cho rằng anh H1 không quan tâm vợ con, anh chị thường xuyên cự cãi do mâu thuẫn về tiền bạc, anh H1 nghi ngờ không tin tưởng chị, cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm với anh H1.

Giữa chị L và anh H1 không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh H1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa chị với anh H1.

Thấy rằng, giữa chị L và anh H1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh H1 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị L và anh H1 có 02 con chung là Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) và Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012)

Chị L yêu cầu giao con chung tên Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị L và anh H1 đã sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay cháu Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) đang chung sống với chị L, cháu Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) đang chung sống với anh H1, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao con chung tên

Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Trâm A và cháu Anh T. Nếu sau này chị L và anh H1 có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Yến L, cho chị Phạm Thị Yến L được ly hôn với anh Thái Văn H1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Phạm Trâm A (sinh ngày 17/5/2005) cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái Phạm Anh T (sinh ngày 21/8/2012) cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị Yến L, anh Thái Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Yến L chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003655 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên chị Linh đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hồng Quyên